

Số: /QĐ-STTTT

Cao Bằng, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện sản xuất chương trình thông tin đối ngoại đăng tải trên Cụm thông tin

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT của Bộ Trưởng, Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 20/4/2018 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg, ngày 08/4/2019 của Thủ tướng, Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm, nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-STTTT ngày 29/12/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ chứng thư thẩm định giá của Công ty CP tư vấn và Thẩm định giá Việt Nam;

Theo đề nghị của Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản tại Tờ trình số 02/TTr-TTBCXB ngày 12 tháng 4 năm 2023; Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-VP ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện sản xuất chương trình thông tin đối ngoại đăng tải trên Cụm thông tin, với các nội dung sau:

1. Phê duyệt dự toán:

- Tên dự toán: Sản xuất chương trình thông tin đối ngoại đăng tải trên Cụm thông tin.

- Nội dung: Sản xuất chương trình thông tin đối ngoại phát trên sóng truyền hình tỉnh Cao Bằng và chương trình đăng tải trên Cụm thông tin đối ngoại thác Bản Giốc huyện Trùng Khánh và Cụm thông tin cơ sở tại Cửa Khẩu quốc tế Tà Lùng, huyện Quảng Hòa.

- Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Tổng dự toán kinh phí: **150.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

(Dự toán chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo Quyết định).

- Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước chi thường xuyên năm 2023.

- Thời gian thực hiện: năm 2023.

2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: 4.269.157 đồng.

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: Không có.

- Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Theo phụ lục 02 kèm theo quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Thông tin-Báo chí-Xuất bản chủ trì tham mưu thực hiện nội dung, hợp đồng; Văn phòng Sở phối hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo tuân thủ các quy định về đấu thầu, thanh toán, quyết toán chương trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng TTBCXB;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

GIÁM ĐỐC**Hoàng Ngọc Sơn**

Phụ lục 01
Dự toán tổng hợp sản xuất chương trình thông tin đối ngoại đăng
tải trên Cụm thông tin.

(Kèm theo quyết định số /QĐ-STTTT ngày tháng 4 năm 2023 của Sở TTTT)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Diễn giải	Số lượng chương trình	Đơn giá	Thành tiền
1	Sản xuất chương trình thông tin đối ngoại đăng tải trên Cụm thông tin					
	Sản xuất chương trình thông tin đối ngoại phát trên Cụm thông tin (Nội dung tuyên truyền quảng bá, giới thiệu tiềm năng phát triển kinh tế, văn hóa, truyền thống lịch sử; các danh lam thắng cảnh, điểm đến du lịch, lễ hội, làng nghề, ẩm thực của các địa phương với thời lượng 30 phút/ 01 chương trình	Chương trình	$A = (a_1: b_1) \times B$ Trong đó: A: Định mức hao phí sản xuất chương trình truyền hình (nhân công, vật liệu, máy móc, thiết bị sử dụng) cần xác định định mức theo thời lượng thực tế. a1: Định mức đã quy định cho sản xuất chương trình có thời lượng gần nhất với thời lượng chương trình sản xuất b1: Thời lượng chương trình có trong định mức tương ứng với định mức a1 B: Thời lượng chương trình sản xuất thực tế cần xác định định mức.	12	12.144.237	145.730.843
2	Thẩm định giá	lần		1	4.269.157	4.269.157
	Tổng (1+2)					150.000.000

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

Đã bao gồm thuế VAT

Chi tiết định mức Sản xuất chương trình truyền hình thông tin đối ngoại phát trên Cụm thông tin có thời lượng 30 phút

TT	Thành Phần hao phí	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất Chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	<u>Nhân công</u>					Thời lượng của chương trình sản xuất ngoài khoảng thời lượng tối thiểu hoặc tối đa trong thể loại thì áp dụng tính hao phí bình quân theo phút theo thời lượng như sau: $A = (a1: b1) \times B$ (Định mức phóng sự tài liệu Thời lượng 15' phút Thông tư 03/2018/TT-BTTTT, ngày 20 tháng 04 năm 2018)
	<i>(Chức danh - Cấp bậc)</i>				9.626.890	
	Biên tập viên hạng III/Bậc 4/9	Công	11,38	329.929	3.754.587	
	Biên tập viên hạng III/Bậc 6/9	Công	0,94	283.100	266.114	
	Đạo diễn truyền hình hạng III/Bậc 3/9	Công	4,8	212.857	1.021.714	
	Kỹ thuật dựng phim hạng II/Bậc 6/9	Công	0,12	283.100	33.972	
	Kỹ thuật viên/Bậc 5/12	Công	4,8	188.733	905.920	
	Phát thanh viên hạng II/ Bậc 3/8	Công	0,26	332.057	86.335	
	Phóng viên hạng III/Bậc 4/9	Công	9,8	236.271	2.315.460	
	Quay phim viên hạng III/Bậc 4/9	Công	5,26	236.271	1.242.788	
II	<u>Máy sử dụng</u>		0		2.495.347	
	Hệ thống dựng phi tuyến	Giờ	30,34	40.438	1.226.889	
	Hệ thống phòng đọc	Giờ	2	40.438	80.876	
	Máy in	Giờ	0,12	270	32	
	Máy quay phim	Giờ	38,4	26.959	1.035.226	
	Máy tính	Giờ	113	1.348	152.324	
III	<u>Vật liệu sử dụng</u>		0		22.000	
	Giấy	Ram	0,14	100.000	14.000	
	Mực in	Hộp	0,04	200.000	8.000	
	Cộng I+II+III				12.144.237	

BẢNG NHÂN CÔNG SỬ DỤNG						
STT	Nhân công sử dụng	HS lương	Lương CS	Ngày công	Thành tiền/ngày công	
1	Biên tập viên hạng III/Bậc 4/9	4,65	1.490.000	21	329.929	
2	Biên tập viên hạng III/Bậc 6/9	3,99	1.490.000	21	283.100	
3	Đạo diễn truyền hình hạng III/Bậc 3/9	3	1.490.000	21	212.857	
4	Kỹ thuật dựng phim hạng II/Bậc 6/9	3,99	1.490.000	21	283.100	
5	Kỹ thuật viên/Bậc 5/12	2,66	1.490.000	21	188.733	
6	Phát thanh viên hạng II/ Bậc 3/8	4,68	1.490.000	21	332.057	
7	Phóng viên hạng III/Bậc 4/9	3,33	1.490.000	21	236.271	
8	Quay phim viên hạng III/Bậc 4/9	3,33	1.490.000	21	236.271	

Phụ lục: 02

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Sản xuất chương trình thông tin đối ngoại đăng tải trên Cụm thông tin.
(Kèm theo quyết định số /QĐ-STTTT ngày tháng 04 năm 2023 của Sở TTTT)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
01	Sản xuất chương trình thông tin đối ngoại đăng tải trên Cụm thông tin	145.730.843	Chi thường xuyên năm 2023	Trường hợp đặc biệt	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2023	Trọn gói	8 tháng